



Tạp chí

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

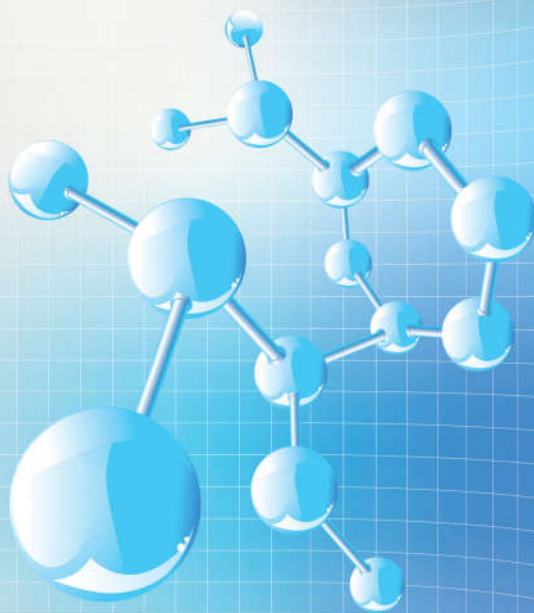
SCIENTIFIC JOURNAL - SAO DO UNIVERSITY

ISSN 1859-4190

Số 1 (72) 2021

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

ISSN 1859-4190



BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ



Địa chỉ:

- Số 1: Số 24, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương
- Số 2: Số 72, đường Nguyễn Thái Học/Quốc lộ 37, phường Thái Học, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương
- Điện thoại: (0220) 3882.269 Fax: (0220) 3882.921 Website: <http://saodo.edu.vn> Email: info@saodo.edu.vn

ISSN 1859-4190



Địa chỉ: Sao Đỏ

Trường Đại học Sao Đỏ.

Số 24, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: (0220) 3587213, Fax: (0220) 3882 921, Hotline: 0912 107858/0936 847980.

Website: <http://tapchikicn.saodo.edu.vn/>Email: tapchikicn@saodo.edu.vn.

Giấy phép xuất bản số: 1003/GP-BTTTT, ngày 06/7/2011 và Giấy phép sửa đổi, bổ sung số: 293/GP-BTTTT

ngày 03/06/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Mã chuẩn quốc tế số: 477/TKHCN-ISSN, ngày 21/7/2011 của Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia.

In 2.000 bản, khổ 21 x 29,7cm, tại Công ty TNHH In Trẻ Xanh, cấp ngày 17/02/2011.

ISSN 1859-4190

Tổng Biên tập

- TS. Đỗ Văn Đình
- Phó Tổng biên tập**
- TS. Nguyễn Thị Kim Nguyễn
- Thư ký Tòa soạn**
- TS. Ngô Hữu Mạnh

Hội đồng Biên tập

- NGND.TS. Đinh Văn Nhung - Chủ tịch Hội đồng
- GS.TS. Phạm Thị Ngọc Yến
- PGS.TSKH. Trần Hoài Linh
- PGS.TS. Nguyễn Quốc Cường
- GS.TS. Nguyễn Văn Liên
- GS.TSKH. Thân Ngọc Hoàn
- GS.TSKH. Bành Tiến Long
- GS.TS. Trần Văn Địch
- GS.TS. Phạm Minh Tuấn
- PGS.TS. Lê Văn Học
- PGS.TS. Nguyễn Đoàn Ý
- GS.TS. Đinh Văn Sơn
- PGS.TS. Trần Thị Hà
- PGS.TS. Trương Thị Thủy
- TS. Vũ Quang Nhật
- PGS.TS. Nguyễn Thị Bất
- GS.TS. Đỗ Quang Khang
- TS. Bùi Văn Ngọc
- PGS.TS. Ngô Sỹ Lương
- PGS.TS. Khuất Văn Ninh
- GS.TSKH. Phạm Hoàng Hải
- PGS.TS. Nguyễn Văn Độ
- PGS.TS. Đoàn Ngọc Hải
- PGS.TS. Nguyễn Ngọc Hà

Ban Biên tập

- ThS. Đoàn Thị Thu Hằng - Trưởng ban
- ThS. Đào Thị Vân

Editor-in-Chief

- Dr. Do Van Dinh
- Vice Editor-in-Chief**
- Dr. Nguyen Thi Kim Nguyen
- Office Secretary**
- Dr. Ngo Huu Manh

Editorial Board

- People's Teacher, Dr. Dinh Van Nhung - Chairman
- Prof.Dr. Phạm Thị Ngọc Yến
- Assoc.Prof.Dr.Sc. Trần Hoài Linh
- Assoc.Prof.Dr. Nguyễn Quốc Cường
- Assoc.Prof.Dr. Nguyễn Văn Liên
- Prof.Dr.Sc. Bành Tiến Long
- Prof.Dr. Trần Văn Địch
- Prof.Dr. Phạm Minh Tuấn
- Assoc.Prof.Dr. Lê Văn Học
- Assoc.Prof.Dr. Nguyễn Đoàn Ý
- Assoc.Prof.Dr. Đinh Văn Sơn
- Assoc.Prof.Dr. Trần Thị Hà
- Assoc.Prof.Dr. Trương Thị Thủy
- Dr. Vũ Quang Nhật
- Assoc.Prof.Dr. Nguyễn Thị Bất
- Prof.Dr. Đỗ Quang Khang
- Dr. Bùi Văn Ngọc
- Assoc.Prof.Dr. Ngô Sỹ Lương
- Assoc.Prof.Dr. Khuất Văn Ninh
- Prof.Dr.Sc. Phạm Hoàng Hải
- Assoc.Prof.Dr. Nguyễn Văn Độ
- Assoc.Prof.Dr. Đoàn Ngọc Hải
- Assoc.Prof.Dr. Nguyễn Ngọc Hà

Editorial

- MSc. Đoàn Thị Thu Hằng - Head
- MSc. Đào Thị Vân

Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ (ISSN 1859-4190), thường xuyên công bố kết quả, công trình nghiên cứu khoa học và công nghệ của các nhà khoa học, cán bộ, giảng viên, nghiên cứu sinh, học viên cao học, sinh viên ở trong và ngoài nước.

1. Tạp chí xuất bản 01 số/quý bằng hai ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh. Tạp chí nhận đăng các bài báo khoa học thuộc các lĩnh vực: Điện - Điện tử - Tự động hóa; Cơ khí - Động lực; Kinh tế; Triết học - Xã hội học - Chính trị học; Các lĩnh vực khác gồm: Công nghệ thông tin; Hóa học - Công nghệ thực phẩm; Ngôn ngữ học; Toán học; Vật lý; Văn hóa - Nghệ thuật - Thể dục thể thao...
2. Bài nhận đăng là những công trình nghiên cứu khoa học chưa công bố trong bất kỳ ấn phẩm khoa học nào.
3. Tòa soạn chỉ nhận bài báo gửi online trên website <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn>. Bài báo gửi về toà soạn dưới dạng file điện tử (*.doc *.docx và *.pdf); cuối bài báo, tác giả ghi rõ thông tin địa chỉ liên hệ, số điện thoại, email và cập nhật thông tin trên website. Bài báo phải được trình bày đúng định dạng, rõ ràng; Trường hợp bài báo phải chỉnh sửa theo thể lệ hoặc theo yêu cầu của Phần biên thì tác giả sẽ cập nhật trên website. Người phản biện sẽ do toà soạn mời. Toà soạn không gửi lại bài nếu không được đăng.
4. Các công trình thuộc đề tài nghiên cứu có Cơ quan quản lý cần kèm theo giấy phép cho công bố của cơ quan (Tên đề tài, mã số, tên chủ nhiệm đề tài, cấp quản lý,...).
5. Tên bài báo trình bày bằng hai ngôn ngữ (tiếng Việt và tiếng Anh), font Arial, cỡ chữ 14, in đậm, căn giữa.
6. Tên tác giả (không ghi học hàm, học vị), font Arial, cỡ chữ 10, in đậm, căn lề phải; cơ quan công tác của các tác giả, font Arial, cỡ chữ 9, in nghiêng, căn lề phải.
7. Chữ "Tóm tắt" in đậm, font Arial, cỡ chữ 10; Nội dung tóm tắt của bài báo không quá 10 dòng, trình bày bằng hai ngôn ngữ (tiếng Việt và tiếng Anh), font Arial, cỡ chữ 10, in thường.
8. Chữ "Từ khóa" in đậm, nghiêng, font Arial, cỡ chữ 10; Có từ 03-05 từ khóa, font Arial, cỡ chữ 10, in nghiêng, ngăn cách nhau bởi dấu chấm phẩy, cuối cùng là dấu chấm.
9. Nội dung bài báo viết bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh; Nếu là bài báo viết bằng tiếng Việt: Tiêu đề tiếng Việt trước, tiếng Anh sau; Tóm tắt tiếng Việt trước, tiếng Anh sau; Từ khóa tiếng Việt trước, tiếng Anh sau; Nếu là bài báo viết bằng tiếng Anh: Tiêu đề tiếng Anh trước, tiếng Việt sau; Tóm tắt tiếng Anh trước, tiếng Việt sau; Từ khóa tiếng Anh trước, tiếng Việt sau.
10. Bài báo được đánh máy trên khổ giấy A4 (21 x 29,7cm) có độ dài không quá 8 trang, font Arial, cỡ chữ 10; giãn dòng At least 12pt, Before 3pt, After 3pt; căn lề trên 2,5cm, dưới 2,5cm, trái 3cm, phải 2cm; hình vẽ phải rõ ràng, đủ nét và được định dạng dưới dạng file ảnh (*.jpg); Phương trình, công thức phải soạn thảo bằng MathType hoặc Equation; Phần nội dung bài báo được chia thành 02 cột, khoảng cách cột là 1cm; Trong trường hợp hình vẽ, hình ảnh có kích thước lớn, bảng biểu có độ rộng lớn hoặc công thức, phương trình dài thì cho phép trình bày dưới dạng 01 cột.
11. Tài liệu tham khảo được sắp xếp theo thứ tự tài liệu được trích dẫn trong bài báo.
 - Nếu là sách/luận án: Tên tác giả (năm), Tên sách/luận án/luận văn, Nhà xuất bản/Trường/Viện, lần xuất bản/tái bản.
 - Nếu là bài báo/báo cáo khoa học: Tên tác giả (năm), Tên bài báo/báo cáo, Tạp chí/Hội nghị/Hội thảo, Tập/Kỷ yếu, số, trang.
 - Nếu là trang web: Phải trích dẫn đầy đủ tên website và đường link, ngay cập nhật.
12. Định dạng mẫu bài báo tham khảo tại địa chỉ http://tapchikhcn.saodo.edu.vn/news/detail/198/format_paper
 Bài báo sau khi xuất bản sẽ được công bố trên <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn>.

THÔNG TIN LIÊN HỆ:

Ban Biên tập Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ

Phòng 203, Tầng 2, Nhà B1, Trường Đại học Sao Đỏ

Địa chỉ: Số 24 Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: (0220) 3587213, Fax: (0220) 3882921, Hotline: 0912 107858/0936 847980

Website: <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn>

Email: tapchikhcn@saodo.edu.vn

Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 1 (72) 2021

Đã in Tòa soạn:

Trường Đại học Sao Đỏ.

Số 24, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: (0220) 3587213, Fax: (0220) 3882 921, Hotline: 0912 107858/0936 847980.

Website: <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn>/Email: tapchikhcn@saodo.edu.vn.

Giấy phép xuất bản số: 1003/GP-BTTTT, ngày 06/7/2011 và Giấy phép sửa đổi, bổ sung số: 293/GP-BTTTT

ngày 03/06/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Mã chuẩn quốc tế số: 477TRKCN-ISSN, ngày 21/7/2011 của Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia.

In 2.000 bản, khổ 21 x 29,7cm, tại Công ty TNHH In Trẻ Xanh, cấp ngày 17/02/2011.

LIÊN NGÀNH ĐIỆN - ĐIỆN TỬ - TỰ ĐỘNG HÓA

- | | | |
|--|----|--|
| Dự báo mực nước sông cao nhất, thấp nhất trong ngày sử dụng mô hình hỗn hợp | 5 | Đỗ Văn Đỉnh
Nguyễn Trọng Quỳnh
Vũ Văn Cảnh
Phạm Văn Nam |
| Thiết kế bộ điều khiển mờ cho hệ thống điều khiển vô hướng động cơ điện không đồng bộ ba pha rôto lồng sóc có tham số mômen quán tính J biến đổi | 13 | Lê Ngọc Hòa
Vũ Hồng Phong |
| Đánh giá hiệu năng chống nhiễu của bộ thu GPS sử dụng kiến trúc bộ lọc hạt điểm | 20 | Phạm Việt Hưng
Lê Thị Mai
Nguyễn Trọng Các |
| Lựa chọn sơ đồ cấp điện và luật điều khiển công suất đầu ra cho máy điện từ kháng | 25 | Phạm Công Tảo |

LIÊN NGÀNH CƠ KHÍ - ĐỘNG LỰC

- | | | |
|---|----|--|
| Tối ưu hóa chế độ cắt và độ nhám bề mặt khuôn dập khi gia công vật liệu composite nền nhựa, cốt hạt | 32 | Ngô Hữu Mạnh
Mạc Thị Nguyên
Lê Hoàng Anh
Châu Vĩnh Tiến |
| Phân tích cấu trúc và tiềm năng của hệ truyền động thủy tĩnh ứng dụng trên máy kéo lâm nghiệp | 39 | Vũ Hoa Kỳ
Trần Hải Đăng
Nguyễn Long Lâm |
| Nghiên cứu ảnh hưởng chiều cao, độ vi sai của thanh răng đến độ giãn đường may 516 trên vải denim co giãn | 44 | Nguyễn Thị Hiền
Đỗ Thị Làn
Phạm Thị Kim Phúc |
| Nghiên cứu sự ảnh hưởng của phương pháp lấy mẫu đến chất lượng của phương pháp Polynomial Chaos áp dụng cho hệ thống treo trên ô tô | 51 | Đào Đức Thụ
Lương Quý Hiệp
Phạm Văn Trọng |
| Nghiên cứu ảnh hưởng của chi số chỉ và mật độ mũi may đến độ giãn đứt, độ bền đường may 406 trên vải TC | 56 | Bùi Thị Loan
Nguyễn Thị Hồi
Đỗ Thị Tần |

NGÀNH TOÁN HỌC

Sự không tồn tại nghiệm của phương trình elliptic nửa tuyến tính suy biến 87 Nguyễn Thị Diệp Huyền

NGÀNH KINH TẾ

Bảo hiểm thất nghiệp trong phát triển kinh tế ở Việt Nam 66 Nguyễn Minh Tuấn

Ứng dụng ma trận SWOT trong phát triển du lịch làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Hải Dương 75 Vũ Thị Hương

Giảm nghèo và phát triển bền vững ở Việt Nam 83 Phạm Thị Hồng Hoa

NGÀNH NGÔN NGỮ HỌC

Nghiên cứu thực trạng kỹ năng nói tiếng Anh và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên không chuyên Trường Đại học Sao Đỏ 91 Đặng Thị Minh Phương
Trần Hoàng Yến
Tăng Thị Hồng Minh

LIÊN NGÀNH HÓA HỌC - CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM

Nghiên cứu tính chất cấu trúc của các cluster $[Mo_6X_{14}]^-$ (X = F, Cl, Br, I) bằng phương pháp phiếm hàm mật độ 99 Phạm Thị Diệp

Sử dụng *Saccharomyces cerevisiae* RV002 để lên men rượu vang từ quả sim (*Rhodomyrtus tomentosa*) 107 Bùi Văn Tú
Nguyễn Ngọc Tú

LIÊN NGÀNH TRIẾT HỌC - XÃ HỘI HỌC - CHÍNH TRỊ HỌC

Xóa đói, giảm nghèo ở Hải Dương trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay 115 Vũ Văn Đông

Vai trò của giáo dục và đào tạo đối với việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở Việt Nam hiện nay 123 Phùng Thị Lý

TITLE FOR ELECTRICITY - ELECTRONICS - AUTOMATION

- | | | |
|---|----|--|
| The daily highest and lowest river water levels are forecasted using a hybrid model | 5 | Do Van Dinh
Nguyen Trong Quynh
Vu Van Canh
Pham Van Nam |
| Designing fuzzy controller for scalar control system of a three-phase squirrel cage induction motor with variable J môment of inertia | 13 | Le Ngoc Hoa
Vu Hong Phong |
| Performance assesment in interference supression of GPS receiver based on particle filter | 20 | Pham Viet Hung
Le Thi Mai
Nguyen Trong Cac |
| Select power supply scheme and output power control rule for the Switched Reluctance Machine | 25 | Pham Cong Tao |

TITLE FOR MECHANICAL AND DRIVING POWER ENGINEERING

- | | | |
|--|----|--|
| Optimiation on the CNC cutting parameters and surface roughness of the mould during milling process composite material of plastic base and grain cores | 32 | Ngo Huu Manh
Mac Thi Nguyen
Le Hoang Anh
Chau Vinh Tien |
| Analysis of structure and potential of application hydrostatic transmission system on forestry machine | 39 | Vu Hoa Ky
Tran Hai Dang
Nguyen Long Lam |
| Research on effects height and differential feed of the tooth bar on seam deformation 516 on stretch denim fabric | 44 | Nguyen Thi Hien
Do Thi Lan
Pham Thi Kim Phuc |
| Study on the effects of the Sampling method on quality of Polynomial Chaos method applying to automotive suspension system | 51 | Dao Duc Thu
Luong Quy Hiep
Pham Van Trong |
| Study on the effects of sewing thread count, density of stitch on the breaking elongation and seam strength 406 on TC fabric | 56 | Bui Thi Loan
Nguyen Thi Hoi
Do Thi Tan |

TITLE FOR MATHEMATICS

Non-existence of solution of degenerative semilinear elliptic equations 62 Nguyen Thi Diep Huyen

TITLE FOR ECONOMICS

Unemployment insurance for economic development in Vietnam 66 Nguyen Minh Tuan

Application of SWOT masterbon in traditional villa tourism in Hai Duong province 75 Vu Thi Huong

Poverty reduction and sustainable development in Vietnam 83 Pham Thi Hong Hoa

TITLE FOR STUDY OF LANGUAGE

A study on the current situation of English speaking skills and some proposals to improve English speaking skills of non-English major students at Sao Do University 91 Dang Thi Minh Phuong
Tran Hoang Yen
Tang Thi Hong Minh

TITLE FOR CHEMISTRY AND FOOD TECHNOLOGY

Study of structural properties of clusters $[Mo_6X_{14}]$ (X = F, Cl, Br) by the density functional method 99 Pham Thi Diep

Application of *Saccharomyces cerevisiae* RV002 in wine fermentation from Sim fruit (*Rhodomyrtus tomentosa*) 107 Bui Van Tu
Nguyen Ngoc Tu

TITLE FOR PHILOSOPHY - SOCIOLOGY - POLITICAL SCIENCE

Hunger eradication and poverty reduction in Hai Duong in the period of accelerating industrialization and modernization nowadays 115 Vu Van Dong

The role of education and training with the development of high-quality human resources in Vietnam today 123 Phung Thi Ly

Ứng dụng ma trận SWOT trong phát triển du lịch làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Hải Dương

Application of SWOT masterbon in traditional villa tourism in Hai Duong province

Vũ Thị Hương

Email: huongvudhsd20102014@gmail.com

Trường Đại học Sao Đỏ

Ngày nhận bài: 10/02/2021

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 27/3/2021

Ngày chấp nhận đăng: 31/3/2021

Tóm tắt

Trong quá trình hình thành và phát triển của mỗi làng nghề luôn tồn tại đặc trưng văn hoá, tâm linh của mỗi cộng đồng người. Hiện nay, để bắt nhịp với quá trình đổi mới kinh tế, một số làng nghề truyền thống đang được phục hồi và mở rộng, nhưng cũng có những làng nghề chưa thích ứng, hoạt động kém hiệu quả, có nguy cơ dần mất đi, nhiều làng nghề phát triển mạnh nhưng lại tiềm ẩn trong nó sự thiếu ổn định. Xây dựng mô hình làng nghề truyền thống gắn với phát triển du lịch có vai trò và ý nghĩa rất đặc biệt trong việc gìn giữ văn hóa và phát triển kinh tế địa phương. Bài viết sẽ phân tích rõ hơn những ảnh hưởng này qua đó gợi mở giải pháp hợp lý nhằm phát triển du lịch làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Hải Dương trong thời kì hội nhập.

Từ khóa: Làng nghề; du lịch; ma trận SWOT.

Abstract

In the process of formation and development of each craft village, there is always the characteristic cultural and spiritual nature of each community. Currently, in order to keep pace with the process of economic renewal, some traditional craft villages are being restored and expanded, but there are also craft villages that have not been adapted, operating ineffectively, and are in danger of gradually losing. Many craft villages thrive, but there is a potential lack of stability. Building traditional craft village model associated with tourism development has a very special role and meaning in preserving local culture and economic development. The article will analyze these influences more clearly, thereby suggesting a reasonable solution to develop tourism for traditional craft villages, in Hai Duong province during the integration period.

Keywords: Traditional village; tourism; SWOT matrix.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Làng nghề tại tỉnh Hải Dương được hình thành và phát triển lâu đời, gắn với đặc trưng từng địa phương. Bảo tồn và phát triển làng nghề trên cơ sở phát triển hài hòa giữa sản xuất hàng hóa với bảo vệ môi trường và gìn giữ, phát huy giá trị văn hóa truyền thống dân tộc. Sự phát triển của làng nghề tại tỉnh Hải Dương đã đóng góp tích cực đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh: Nâng cao vị thế và vai trò của tỉnh so với các vùng khác, tạo việc làm và tăng thu nhập cho người nông dân trong tỉnh. Một trong những yếu tố để bảo tồn và phát triển làng nghề phải được gắn kết với hoạt động du lịch hiện có của tỉnh nhằm thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa tại chỗ,

gia tăng giá trị sản phẩm, tạo thêm nhiều việc làm mới tại làng nghề. Bài viết tập trung nghiên cứu phân tích ma trận SWOT để đánh giá các điểm mạnh, điểm yếu, thời cơ cũng như thách thức để từ đó gợi mở một số giải pháp phát triển du lịch làng nghề truyền thống ở Hải Dương.

2. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN

2.1. Khái niệm

Từ xa xưa do đặc thù nền sản xuất nông nghiệp đòi hỏi phải có nhiều lao động tham gia đã khiến cư dân Việt cổ sống quần tụ dần hình thành nên làng xã. Trong từng làng, đã xuất hiện gia đình sản xuất hàng thủ công. Cùng thời gian, với sự chia sẻ, học hỏi nghề được lan truyền ra cả làng tạo nên những làng nghề thống. Theo Tiến sĩ Phạm Côn Sơn trong cuốn "Làng nghề truyền thống Việt Nam" làng nghề được định nghĩa như sau: "làng nghề là

Người phản biện: 1. PGS.TS. Vũ Tuấn Hưng

2. TS. Nguyễn Minh Tuấn

một đơn vị hành chính cổ xưa mà cũng có nghĩa là nơi quần cư đông người, sinh hoạt có tổ chức, kỉ cương tập quán riêng theo nghĩa rộng. Làng nghề không những là làng sống chuyên nghề mà cũng hàm ý là những người cùng nghề sống hợp quần để phát triển công ăn việc làm. Cơ sở vững chắc của các làng nghề là sự vừa làm ăn tập thể, vừa phát triển kinh tế, vừa giữ gìn bản sắc dân tộc và các cá biệt của địa phương” [1].

Xét theo góc độ kinh tế, trong cuốn: “Bảo tồn và phát triển các làng nghề truyền thống trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa” Tiến sĩ Dương Bá Phượng cho rằng: “Làng nghề là làng ở nông thôn có một hoặc một số nghề thủ công tách hẳn ra khỏi nông nghiệp và kinh doanh độc lập. Thu nhập từ các làng nghề đó chiếm tỉ trọng cao trong tổng giá trị toàn làng” [2].

- Làng nghề truyền thống: Hiện nay, vẫn chưa có một khái niệm thống nhất về làng nghề truyền thống, nhưng ta có thể hiểu làng nghề truyền thống là làng cổ truyền làm nghề thủ công truyền thống. Theo Giáo sư Trần Quốc Vượng thì làng nghề là: “Làng nghề là làng mà, tuy vẫn trồng trọt theo lối tiểu nông và chăn nuôi nhỏ, cũng có làm một số nghề phụ khác (thêu, đan lát,...) song đã nổi trội một nghề cổ truyền, tinh xảo với một lớp thợ thủ công chuyên nghiệp hay bán chuyên nghiệp có phường, có ông Trùm, ông Phó cả cùng một số thợ và phó nhỏ đã chuyên tâm, có quy trình công nghệ nhất định “sinh ư nghệ, tử ư nghệ”, “nhất nghệ tinh, nhất thân vinh”, dân cư sống chủ yếu bằng nghề đó và sản xuất ra những hàng thủ công, những mặt hàng này đã có tính mỹ nghệ, đã trở thành sản phẩm hàng hóa và có quan hệ tiếp thị với thị trường là vùng rộng xung quanh với thị trường đô thị, thủ đô và tiến tới mở rộng ra cả nước rồi có thể xuất khẩu ra nước ngoài” [3].

- Du lịch làng nghề truyền thống: Là loại hình du lịch diễn ra tại các làng nghề còn đang hoạt động sản xuất các sản phẩm truyền thống nhằm mục tiêu tìm hiểu, chiêm ngưỡng, thưởng thức về làng nghề và quá trình sản xuất sản phẩm truyền thống. Du lịch làng nghề

Bảng 1. Ma trận SWOT

Ma trận SWOT	Cơ hội (O)	Nguy cơ (T)
Điểm mạnh (S)	Phối hợp S/O Tận dụng điểm mạnh để nắm bắt cơ hội	Phối hợp S/T Tận dụng điểm mạnh để hạn chế nguy cơ
Điểm yếu (W)	Phối hợp W/O Giảm điểm yếu để nắm bắt cơ hội	Phối hợp W/T Tối thiểu điểm yếu để ngăn chặn nguy cơ

Nguồn: Garry D.Smith và các cộng sự, 2013, Chiến lược và sách lược kinh doanh, NXB Lao động xã hội

3. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG TẠI TỈNH HẢI DƯƠNG

3.1. Tình hình hoạt động và phát triển làng nghề công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp (CN-TTCN)

truyền thống đang là loại hình du lịch thu hút được sự quan tâm của nhiều du khách trong và ngoài nước và là loại hình du lịch văn hóa. Theo Tiến sĩ Trần Nhật trong: “Du lịch và kinh doanh du lịch”, “Du lịch văn hóa là loại hình du lịch mà du khách muốn thăm nhận bề dày lịch sử, di tích văn hóa, những phong tục tập quán còn hiện diện... Bao gồm hệ thống đình, chùa, nhà thờ, lễ hội, các phong tục tập quán về ăn, ở, mặc, giao tiếp...”[4]

2.2. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

Để đánh giá hoạt động bảo tồn và phát triển bền vững làng nghề truyền thống tỉnh Hải Dương, nghiên cứu chọn một số làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Hải Dương có nhiều tiềm năng trong việc phát triển hoạt động du lịch với dữ liệu nghiên cứu thứ cấp: để xác định các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển các làng nghề; các thách thức sử dụng các nguồn lực làng nghề; những quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong định hướng bảo tồn và phát triển kinh tế làng nghề.

Thông qua cách tiếp cận này, chọn ra những cộng đồng xã hội có những nét tương đồng về truyền thống, phong tục tập quán cũng như các hoạt động sản xuất kinh doanh để làm đối tượng khảo cứu theo mục đích đã định. Trong các làng nghề được chọn phục vụ cho phát triển hoạt động du lịch có một số cộng đồng được chia ra nghiên cứu nhằm phát hiện các quy luật và tính quy luật về sự vận động và phát triển của vùng miền đó. Sử dụng cách tiếp cận này sẽ đảm bảo độ tin cậy và mang tính đại diện cho vùng/linh vực.

Ngoài ra để tìm ra điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội cũng như những thách thức trong tiến trình phát triển của các làng nghề truyền thống tỉnh Hải Dương, nghiên cứu sử dụng phân tích SWOT để tìm ra điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội cũng như những thách thức trong tiến trình phát triển của các làng nghề truyền thống tỉnh Hải Dương. Kết quả của phương pháp phân tích này sẽ là cơ sở quan trọng trong việc đưa ra các giải pháp của vấn đề nghiên cứu.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Hải Dương có 65 làng nghề CN-TTCN được công nhận. Năm 2019 có 02 làng đã thu hồi danh hiệu công nhận làng nghề là làng nghề Lấu Khê, sản xuất vật liệu không nung và làng nghề chế biến

bún bánh Lang Khê, xã An Lâm do không đạt các tiêu chí làng nghề theo quy định.

Các làng nghề CN-TTCN trên địa bàn tỉnh được phân bổ rộng khắp trên địa bàn 12 huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh. Trong đó, địa phương có nhiều làng nghề nhất là huyện Tứ Kỳ, với 11 làng nghề được công nhận (chiếm tỷ trọng 18%) và địa phương có ít làng nghề nhất

là Ninh Giang, Kim Thành, Thanh Hà; mỗi huyện mới có 2 làng nghề; (chiếm tỷ trọng 3,3%).

Sản phẩm của các làng nghề Hải Dương khá phong phú, đa dạng với những sản phẩm chủ yếu là: Đồ gỗ: mộc dân dụng, chạm khắc gỗ..., cơ khí, mây giang xiên, thêu ren, chế biến nông sản thực phẩm, gốm sứ, làm hương... và được chia thành các nhóm nghề chính như:

Bảng 2. Số lượng làng nghề, làng nghề truyền thống trước khi thực hiện Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành, nghề nông thôn

STT	Nhóm làng nghề	Địa điểm	Số lượng
1	Nhóm làng nghề mộc (mộc dân dụng, mộc đình chùa, đồ gỗ mỹ nghệ, điêu khắc)	Làng nghề chạm khắc gỗ Đông Giao, mộc Cúc Bồ).	15
2	Nhóm làng nghề chế biến nông sản thực phẩm	Huyện Gia Lộc, huyện Thanh Miện	9
3	Nhóm làng nghề thêu ren	Huyện Tứ Kỳ	10
4	Nhóm làng nghề sản xuất hương	Huyện Nam Sách, huyện Kim Thành	5
5	Nhóm làng nghề sản xuất giầy da	Huyện Gia Lộc	4
6	Các nhóm làng nghề sản xuất vật liệu xây dựng không nung	Phường Văn An - thành phố Chí Linh	2
7	Nhóm làng nghề dệt chiếu cói; mây, tre đan	Thị trấn Tứ Kỳ - huyện Tứ Kỳ, xã Phương Hưng - huyện Gia Lộc, xã Thanh Giang - huyện Thanh Miện	3
8	Các nhóm làng nghề sản xuất gốm; sản xuất chổi chít; cơ khí; nấu rượu; sản xuất thùng, rọ; kim hoàn	Xã Ngũ Hùng - huyện Thanh Miện	11
9	Các nhóm làng nghề ươm tơ; trạm khắc đá; sản xuất lược bi; rèn; thêu tranh, móc sợi	Xã Phạm Mệnh - huyện Kinh Môn, xã Hưng Đạo - huyện Tứ Kỳ, xã Thái Học - huyện Bình Giang	06
Tổng cộng			65

Nguồn: Phụ lục cung cấp thông tin cho Viện chiến lược của Sở Công Thương Hải Dương [9]

Giá trị sản xuất ngành nghề thông qua các năm, đa số các làng nghề trên địa bàn tỉnh hoạt động ổn định góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho lao động tại nông thôn; góp phần giải quyết việc làm cho nhiều lao động tại các khu vực nông thôn.

Về công nghệ sản xuất, hiện nay tại các làng nghề bên cạnh việc sản xuất bằng thủ công đã có nhiều hộ, cơ sở sản xuất đầu tư các máy móc thiết bị để tăng năng suất, giảm chi phí nhân công; tuy nhiên vẫn còn một số làng nghề đòi hỏi sản xuất bằng thủ công do sản phẩm độ tinh xảo như các làng nghề thêu ren, mộc...

Cơ sở hạ tầng tại các làng nghề được lồng ghép vào việc đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn, xây dựng nông thôn mới. Hệ thống thu gom nước thải, nước mưa tại tất cả các làng nghề đều chưa được phân lập. 100% làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương đều chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung. Rác thải của các hộ sản xuất tại làng nghề được thu gom và vận chuyển ra bãi rác tập trung theo quy định của địa phương.

3.2. Thực trạng phát triển du lịch làng nghề truyền thống tại tỉnh Hải Dương

Du lịch làng nghề - một xu hướng mới hiện nay được coi là tài nguyên du lịch nhân văn đặc biệt hấp dẫn bởi

tính đa dạng, độc đáo, tính truyền thống cũng như tính địa phương của nó, là cơ sở để tạo nên các loại hình du lịch văn hóa phong phú. Với kho tàng tri thức nghề và văn hóa làng nghề, các làng nghề thủ công truyền thống đã và đang trở thành điểm đến hấp dẫn trong quá trình khám phá tìm hiểu truyền thống văn minh - văn hiến Việt Nam của du khách trong và ngoài nước. Năm 2019, tỉnh Hải Dương đã đón và phục vụ gần 4,3 triệu lượt khách du lịch, vượt 1,89% chỉ tiêu, tăng 8,73% so với năm 2018. Doanh thu du lịch ước đạt 1.980 tỷ đồng, tăng 10% so với năm 2018. Theo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 6 tháng đầu 2020, toàn tỉnh ước đón 871.500 lượt khách, giảm 60% so với cùng kỳ năm 2019.

Trong đó: Có 160.750 lượt khách lưu trú, giảm 80%; 710.750 lượt khách không lưu trú, giảm 48,3%. Doanh thu du lịch ước đạt 367,8 tỷ đồng, giảm 63% so với cùng kỳ năm 2019. Qua báo cáo của các doanh nghiệp trên địa bàn cho thấy dịch Covid-19 đã ảnh hưởng đến tất cả các hoạt động của ngành du lịch.

Hiện nay, các làng nghề thủ công truyền thống ở Hải Dương không chỉ sản xuất hàng thủ công phục vụ cho xuất khẩu mà còn tận dụng lợi thế của làng nghề để phát triển du lịch làng nghề truyền thống - một loại hình

du lịch văn hóa thú vị. Du lịch làng nghề truyền thống Hải Dương còn mới ít người biết đến, nhưng các làng nghề lại nằm ngay cạnh các trung tâm du lịch nên phần nào cũng được du khách biết đến. Sản phẩm của các làng độc đáo đa dạng, phong phú và hấp dẫn. Bên cạnh các làng nghề là các điểm du lịch, các khu du lịch hấp dẫn đã và đang đáp ứng nhu cầu của du khách. Cơ sở hạ tầng du lịch, cơ sở vật chất kĩ thuật du lịch tại các làng nghề từng bước đã được cải thiện, đầu tư nâng cấp xây dựng và cải tạo hệ thống đường xá tại các làng nghề, đường liên khu.

Nhìn chung, đây là những làng nghề truyền thống mang đặc trưng của nền văn minh lúa nước. Vì vậy, nếu được tổ chức tốt, tạo điều kiện phát triển, có ý tưởng độc đáo, sáng tạo thì sẽ thu hút khách du lịch, đặc biệt là khách du lịch quốc tế tham quan, trải nghiệm, mua sắm hàng lưu niệm. Vì vậy, đối với các sản phẩm làng nghề truyền thống ở Hải Dương, có thể nghiên cứu khai thác phát triển tuyến du lịch theo chuyên đề kết nối hệ thống làng nghề, tạo nên sự đa dạng, góp phần thu hút khách du lịch.

Bảng 3. Một số làng nghề du lịch tiêu biểu tại Hải Dương

STT	Điểm du lịch	Hoạt động du lịch thu hút khách
1	Làng gốm Chu Đậu	Xưởng gốm Chu Đậu đón hàng chục nghìn lượt khách đến tham quan và mua sản phẩm mỗi năm.
2	Làng nghề kim hoàn Châu Khê	Những nghệ nhân kim hoàn ở làng Châu Khê (Bình Giang, tỉnh Hải Dương) vẫn luôn tự hào về nghề truyền thống đã được duy trì hơn 500 năm qua. Hằng năm, vào dịp đầu Xuân, làng lại tổ chức lễ hội, với các nghi lễ truyền thống như tế cáo yết, dâng hương, rước kiệu... Đến đây, du khách được tham quan những hộ làm nghề chế tác vàng bạc, chiêm ngưỡng chuông chùa bằng đồng nặng 1.000 kg, cũng như thưởng thức không khí lễ hội đặc trưng của Đồng bằng Bắc Bộ với nhiều trò chơi dân gian truyền thống).
3	Làng thêu ren Xuân Nẻo	Những sản phẩm thêu đủ hình thức kiểu dáng, từ thêu tranh, tới thêu họa tiết trên khăn, túi, đồ lưu niệm... được làm ngay tại đây khiến du khách vừa được thưởng thức những ngón nghề của muôn vạn bàn tay khối óc, thấy được sự cần cù, bền bỉ, sáng tạo của những người phụ nữ xứ Đông trong từng sản phẩm, vừa tin tưởng chọn mua những sản phẩm làm quà mang về. Đây là một trong những cách làm hiệu quả để quảng bá những sản phẩm truyền thống của làng nghề tới du khách trong và ngoài nước khi tới Hải Dương.
4	Làng nghề khắc gỗ Đông Giao	Người thợ Đông Giao nổi tiếng với các sản phẩm đồ thờ như ban thờ, nghi môn, hoành phi, câu đối... có nhiều tác phẩm độc đáo và có tiếng ra đời. Làng nghề mộc Đông Giao đang tạo được chỗ đứng vững chắc trên bản đồ làng nghề trong nước và khu vực.
5	Làng nghề bánh gai Ninh Giang	Bánh gai là một sản phẩm ẩm thực, du lịch độc đáo của Ninh Giang. Hằng năm tại đây đã thu hút đông đảo du khách trong và ngoài nước đến tham quan làng nghề, thưởng thức món đặc sản nổi tiếng xứ Đông.

Nguồn: Tổng hợp nghiên cứu của tác giả

Những điểm mạnh trong phát triển du lịch làng nghề truyền thống tại tỉnh Hải Dương:

- Luôn được sự quan tâm, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và các Sở ngành liên quan và các địa phương, sự hỗ trợ thiết thực của các đơn vị liên quan và sự tham gia tích cực của các tổ chức, cá nhân tại các làng nghề.
- Các cơ sở ngành nghề nông thôn đã tạo ra nhiều sản phẩm được phát huy từ thế mạnh của địa phương đã được thị trường đón nhận như: Đồ mộc, gốm sứ, thêu ren...
- Cơ sở hạ tầng du lịch, cơ sở vật chất kĩ thuật du lịch tại các làng nghề từng bước đã được cải thiện, đầu tư nâng cấp xây dựng và cải tạo hệ thống đường xá tại các làng nghề, đường liên khu.

Mặc dù vậy, việc phát triển du lịch làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Hải Dương còn một số tồn tại, hạn chế:

- Làng nghề truyền thống tỉnh Hải Dương vẫn trong tình trạng sản xuất manh mún, nhỏ lẻ, vốn ít, thiếu công nghệ, thiếu sự đầu tư chiều sâu.
- Việc tiếp cận các nguồn vốn cho sản xuất của các doanh nghiệp nhỏ còn khó khăn.
- Khả năng tiếp thị, nắm bắt thị trường của các làng nghề chưa tốt; việc chuyển giao công nghệ và cải tiến mẫu mã còn chậm.
- Nguồn lực phục vụ hoạt động du lịch làng nghề còn thiếu và yếu cả về số lượng và chưa đảm bảo về chất lượng.
- Cơ sở hạ tầng phục vụ cho du lịch làng nghề chưa được đầu tư đồng bộ.
- Làng nghề truyền thống chưa có sự liên kết giữa các cá nhân, thành viên trong làng. Đa số làm ăn tự túc, chưa có sự kết hợp với du lịch để phát triển thành du lịch làng nghề.

4. CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC PHÁT TRIỂN DU LỊCH LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẢI DƯƠNG

** Bối cảnh*

Du lịch làng nghề được các nhà nghiên cứu, các chuyên gia đánh giá là một loại hình du lịch văn hóa chất lượng cao bởi lễ làng nghề truyền thống được xem như là một tài nguyên du lịch nhân văn rất có ý nghĩa. Các di sản văn hóa làng nghề truyền thống bao gồm: Hệ thống các công trình kiến trúc, công cụ sản xuất, các nghệ nhân dân gian, sản phẩm nghề truyền thống, công nghệ và kỹ năng sản xuất mang tính gia truyền của dòng họ, gia đình, các lễ hội, sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng, cảnh quan sinh thái nhân văn... Với hệ giá trị này thì hiện nay làng nghề truyền thống đã trở thành điểm du lịch hấp dẫn đối với du khách, họ đến với làng nghề không chỉ đơn thuần để tham quan, tìm hiểu các di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh mà hơn cả là để trải nghiệm những món nghề từ những bàn tay khéo léo, dựa trên khối óc tinh tường và tinh thần cần cù, bền bỉ, sáng tạo đã tạo nên các giá trị thăng hoa nối tiếp nhau qua nhiều thế hệ; từ đó, từng bước biết đến một nền văn hóa.

Có thể nói, vấn đề phát triển du lịch gắn với văn hóa trong đó có làng nghề truyền thống đang là hướng đi đầy triển vọng không chỉ của Hải Dương mà là của nhiều địa phương khác trong cả nước. Đây chính là điều kiện thuận lợi để du lịch Hải Dương khai thác tạo ra lợi thế cạnh tranh với các địa phương trong Vùng và tiến tới trong nước và mở rộng ra khu vực, quốc tế.

** Cơ hội phát triển du lịch làng nghề tại tỉnh Hải Dương*

- Tỉnh Hải Dương đã xác định tiềm năng về du lịch làng nghề của địa phương là rất lớn, đồng thời định hướng việc phát triển du lịch gắn với các làng nghề truyền thống là hướng phát triển phù hợp với xu thế phát triển kinh tế.

5. ỨNG MA TRẬN SWOT TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẢI DƯƠNG

5.1. Ma trận SWOT phát triển du lịch làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Hải Dương

Bảng 4. Ma trận SWOT du lịch làng nghề tỉnh Hải Dương

Ma trận SWOT du lịch làng nghề tỉnh Hải Dương	Cơ hội (O)	Nguy cơ (T)
	<ol style="list-style-type: none"> Tiềm năng về du lịch làng nghề của địa phương là hướng phát triển phù hợp với xu thế. Tận dụng lợi thế của làng nghề để phát triển du lịch. Sản phẩm thủ công độc đáo, đa dạng, có tính ứng dụng cao trong đời sống và mang đậm tính nghệ thuật. 	<ol style="list-style-type: none"> Phát triển sản xuất theo kiểu tự phát. Chưa có thị trường ổn định. Các điều kiện và môi trường kinh doanh ở các làng nghề còn chưa thuận lợi cho việc đầu tư sản xuất, kinh doanh. Sự thay đổi của thời cuộc, nhu cầu của thị trường, nhiệt huyết của nghệ nhân. Chất lượng nghiệp môn không đảm bảo.

- Hiện nay, các làng nghề thủ công truyền thống ở Hải Dương không chỉ sản xuất hàng thủ công phục vụ cho xuất khẩu mà còn tận dụng lợi thế của làng nghề để phát triển du lịch làng nghề truyền thống - một loại hình du lịch văn hóa.

- Du lịch làng nghề truyền thống ở Hải Dương đang là loại hình du lịch mới, đang đưa vào khai thác.

- Các làng nghề truyền thống ở Hải Dương có lịch sử hình thành lâu đời, với nhiều di tích lịch sử cổ kính, và đặc biệt là sản phẩm thủ công độc đáo, đa dạng, có tính ứng dụng cao trong đời sống và mang đậm tính nghệ thuật.

** Thách thức đối với việc phát triển du lịch làng nghề tại tỉnh Hải Dương*

Phát triển sản xuất còn tự phát, chưa nắm bắt được thị trường.

- Chưa có thị trường ổn định, còn hạn chế về dự báo cung - cầu, về vốn, công nghệ, thiết bị sản xuất, thị trường, thông tin, trình độ kỹ thuật và quản lý còn non yếu, tay nghề thấp, mẫu mã sản phẩm chậm được cải tiến, đổi mới.

- Các điều kiện và môi trường kinh doanh ở các làng nghề như cơ sở hạ tầng, điều kiện về kinh tế, xã hội, quan hệ cung ứng vật tư, tiêu thụ sản phẩm, thông tin thị trường, hoạt động dịch vụ,... còn chưa thuận lợi cho việc đầu tư sản xuất, kinh doanh.

- Sự thay đổi của thời cuộc, nhu cầu của thị trường, nhiệt huyết của nghệ nhân.

- Ảnh hưởng của dịch Covid 19 bùng phát, diễn biến khó lường của dịch đã ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động du lịch nội địa vốn đang có dấu hiệu khởi sắc trở lại.

- Chất lượng nghiệp vụ và chuyên môn không đảm bảo do lực lượng lao động không được đào tạo chuyên môn trong ngành văn hóa - du lịch.

<p>Điểm mạnh (S)</p> <ol style="list-style-type: none"> Được sự hỗ trợ của các cấp chính quyền, địa phương. Các sản phẩm được phát huy từ thế mạnh của địa phương đã được thị trường đón nhận như: Đồ mộc, gốm sứ, thêu ren... Cơ sở hạ tầng du lịch, cơ sở vật chất kĩ thuật du lịch được cải thiện, đầu tư nâng cấp xây dựng và cải tạo. 	<p>Phối hợp S/O</p> <ol style="list-style-type: none"> S (1,3) và O (1,2) <ul style="list-style-type: none"> Chiến lược xây dựng các làng nghề thành những điểm du lịch hấp dẫn với nhiều dịch vụ bổ sung. Chiến lược quy hoạch đầu tư nâng cấp xây dựng cơ sở hạ tầng, dịch vụ du lịch phong phú tại các điểm du lịch nhằm tối đa hóa chi tiêu của du khách tại các điểm du lịch làng nghề. Tối đa hóa sự đóng góp của hoạt động du lịch vào việc phát triển kinh tế xã hội của làng nghề. S (2), O (2,3) <p>Chiến lược phát triển sản phẩm, phát triển nhận diện thương hiệu các sản phẩm của làng nghề nhằm thu hút khách du lịch.</p> 	<p>Phối hợp S/T</p> <ol style="list-style-type: none"> S (1,2) và T (1,2) <ul style="list-style-type: none"> Tăng cường hoạt động quảng bá, quảng cáo cho du lịch làng nghề truyền thống. Tạo ra và xây dựng thương hiệu du lịch gắn liền với làng nghề. S (2,3) và T (3,5) <ul style="list-style-type: none"> Xây dựng trang web, các hoạt động tuyên truyền quảng bá, đưa lên những thông tin, hình ảnh cần thiết về làng nghề, sản phẩm của làng nghề. Biên tập và in ấn các cuốn sách hướng dẫn du lịch làng nghề truyền thống và tham gia các hội chợ văn hóa, du lịch. S (1,3) và T (4,5) <ul style="list-style-type: none"> Đẩy mạnh việc liên kết, gắn kết các hoạt động du lịch, phối hợp với các công ty lữ hành đưa khách về các điểm du lịch làng nghề. Xây dựng kế hoạch và tổ chức hội du lịch làng nghề truyền thống.
<p>Điểm yếu (W)</p> <ol style="list-style-type: none"> Khả năng tiếp thị, nắm bắt thị trường chuyển giao công nghệ và cải tiến mẫu mã còn chậm. Khả năng cạnh tranh các sản phẩm làng nghề còn nhiều yếu. Vấn đề đào tạo nguồn nhân lực chưa được quan tâm đúng mức. Việc tiếp cận các nguồn vốn cho sản xuất của các doanh nghiệp nhỏ còn khó khăn. Cơ sở vật chất, Kết cấu hạ tầng thiếu đồng bộ. Chưa có sự liên kết giữa các cá nhân, thành viên trong làng. 	<p>Phối hợp W/T</p> <ol style="list-style-type: none"> W (1,3,4) và T (1,3) <ul style="list-style-type: none"> Đầu tư trang thiết bị, đổi mới công nghệ. Đầu tư vốn xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật phục vụ du lịch làng nghề. W (2,5) và T (3,4) <ul style="list-style-type: none"> Xây dựng các tổ chức quản lí hoạt động của làng nghề và du lịch làng nghề truyền thống, có những quy định, quy ước đảm bảo cho hoạt động có nề nếp, tạo môi trường du lịch làng nghề văn minh cho khách. W (3) và T (5) <ul style="list-style-type: none"> Cần nhanh chóng tạo nên một đội ngũ lao động du lịch chuyên nghiệp tại các làng nghề. 	<p>Phối hợp W/O</p> <ol style="list-style-type: none"> W (1,2) và O (2,3) <ul style="list-style-type: none"> Đa dạng hóa sản phẩm du lịch làng nghề. Tăng cường hoạt động quảng bá, quảng cáo cho du lịch làng nghề truyền thống. Tăng cường phát triển các sản phẩm mang đậm bản sắc văn hóa làng nghề. Tạo ra và xây dựng thương hiệu du lịch gắn liền với làng nghề. W (5) và O (1) <ul style="list-style-type: none"> Đẩy mạnh việc liên kết, gắn kết các hoạt động du lịch, phối hợp với các công ty lữ hành đưa khách về các điểm du lịch làng nghề.

Nguồn: Tổng hợp kết quả nghiên cứu của tác giả

5.2. Giải pháp phát triển du lịch làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Hải Dương

a. *Giải pháp chung cho việc bảo tồn và phát huy giá trị các làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Hải Dương*

Xây dựng quy hoạch tổng thể: Xây dựng quy hoạch tổng thể các làng nghề truyền thống là rất quan trọng nhằm góp phần định hướng hướng phát triển phù hợp cho

mỗi làng nghề. Đối với những ngành nghề có tiềm năng, đang mở rộng thị trường cũng cần có hướng đầu tư phù hợp để nâng cao vị thế và sức cạnh tranh. Việc quy hoạch các làng nghề truyền thống còn nhằm xây dựng làng nghề theo hướng quy hoạch phục vụ sản xuất, phục vụ du lịch hoặc vừa phục vụ sản xuất vừa phục vụ du lịch.

Xây dựng vùng nguyên liệu ổn định: Đối với những nguyên liệu là sản phẩm nông nghiệp, trong điều kiện diện tích đất phục vụ cho sản xuất nguyên liệu ngày càng thu hẹp cần đẩy mạnh áp dụng công nghệ hiện đại để tăng năng suất sản xuất nguyên liệu. Các làng nghề nên ký kết hợp đồng với đối tác, trong đó ràng buộc những điều khoản cụ thể, rõ ràng để xây dựng vùng nguyên liệu ổn định về số lượng và giá cả.

Tim kiếm thị trường tiêu thụ: Đây là giải pháp quan trọng nhất để bảo tồn và phát triển làng truyền thống. Để tìm được đầu ra cho sản phẩm thì các làng nghề truyền thống cần phải biết kết hợp một cách hợp lý giữa truyền thống và công nghệ hiện đại, áp dụng một phần công nghệ vào một số công đoạn của quá trình sản xuất, đồng thời vẫn phải kế thừa kinh nghiệm trong quy trình chế tác ở những công đoạn thể hiện sự tinh xảo, nét đặc trưng của sản phẩm. Từ đó có thể sản xuất ra sản phẩm nhanh hơn, mẫu mã phong phú hơn, giá thành rẻ hơn nhưng vẫn giữ được nét tinh xảo, đặc trưng truyền thống. Song song đó, Nhà nước cần tạo điều kiện cho các làng nghề truyền thống khuếch trương thương hiệu, quảng bá sản phẩm tới người tiêu dùng bằng nhiều kênh thông tin khác nhau.

Xây dựng nguồn nhân lực: Thực tế hiện nay tại các làng nghề truyền thống là đang thiếu nguồn nhân lực, đặc biệt là thợ lành nghề, thợ tạo mẫu. Lao động làng nghề nhìn chung vừa thiếu vừa yếu, trong khi các nghệ nhân tâm huyết với nghề thì ngày càng già yếu và ít dần, lực lượng lao động trẻ lại không thiết tha với nghề. Từ đó, tạo sự hẫng hụt nguồn nhân lực kế cận cả về số lượng cũng như chất lượng.

Phát triển gắn với bảo vệ môi trường: Đối với những làng nghề ít gây ô nhiễm môi trường như đan lát mây tre thì vẫn có thể sản xuất, kinh doanh ở hộ gia đình. Đối với một số làng nghề gây ô nhiễm môi trường trong một số khâu nhất định cần di dời những khâu trong chuỗi công đoạn sản xuất gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu dân cư. Đối với những làng nghề truyền thống gây ô nhiễm môi trường nặng nề thì cần hình thành các cụm công nghiệp tập trung để bố trí làng nghề. Song song đó, chính quyền cần phải có chương trình hỗ trợ xây dựng các công trình xử lý ô nhiễm cho các làng nghề, trong điều kiện ngân sách hạn chế, cần thực hiện theo phương châm nơi nào gây ô nhiễm môi trường nặng nề hơn thì được ưu tiên hỗ trợ trước.

Phát triển gắn với du lịch: Phát triển du lịch làng nghề góp phần bảo tồn và phát triển làng nghề truyền thống một cách bền. Đây là bước đi khôn khéo vì không chỉ mở rộng thị trường, mở ra nhiều cơ hội để thúc đẩy việc phát triển sản xuất các sản phẩm làng nghề truyền thống mà quan trọng hơn là còn góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống trong mỗi làng nghề.

Các chính sách hỗ trợ: Cùng với các giải pháp nói trên, Nhà nước cần có chính sách thông thoáng để các cơ sở sản xuất có tiềm năng phát triển nhưng thiếu vốn để tiếp cận nguồn vốn như có cơ chế cho vay ưu đãi, ưu đãi thuế... Mặt bằng sản xuất cũng đang là một khó khăn mà các làng nghề truyền thống muốn mở rộng quy mô sản xuất đang gặp phải. Vì vậy, Nhà nước cần có cơ chế, chính sách giao đất, hợp đồng cho thuê đất để các cơ sở sản xuất ở làng nghề truyền thống có thể mở rộng quy mô. Song song đó, Nhà nước cần tạo điều kiện cho các làng nghề truyền thống tiếp cận được các thông tin về công nghệ, khoa học - kỹ thuật, thị trường; hỗ trợ và tạo điều kiện cho các làng nghề tham gia hội chợ, triển lãm, hội thảo... để họ tiếp cận thông tin.

b. Giải pháp phát triển du lịch làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Hải Dương

Một là: Tăng cường hoạt động quảng bá, quảng cáo cho du lịch làng nghề truyền thống

Hoạt động quảng bá cho du lịch truyền thống góp phần vào việc giới thiệu thu hút khách trong và ngoài nước. Vì vậy, cần có các hoạt động.

- Xây dựng chiến lược sản phẩm: Tăng cường phát triển các sản phẩm mang đậm bản sắc văn hóa làng nghề, giữ nguyên những thủ pháp nghệ thuật cổ xưa truyền lại qua các thế hệ.

- Xây dựng trang thông tin để quảng bá giới thiệu sản phẩm làng nghề, hỗ trợ các hộ trong việc đăng ký bảo hộ sản phẩm hàng hóa với Cục Sở hữu trí tuệ...

Hai là: Tăng cường công tác quản lý nhà nước

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với quá trình hoạt động và phát triển của các làng nghề TTCN trên địa bàn tỉnh. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước thông qua công cụ kinh tế là chính, hỗ trợ tạo lập môi trường kinh doanh thông thoáng, cởi mở, bình đẳng, minh bạch, để xây dựng và hình thành hệ thống làng nghề TTCN cổ truyền và hiện đại. Thường xuyên nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh của các cơ sở công nghiệp nông thôn, các làng nghề trên địa bàn tỉnh, kịp thời triển khai biện pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn vướng mắc, thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển.

Ba là: Cần khuyến khích các làng nghề sản xuất nhiều mặt hàng truyền thống có mẫu mã đẹp, độc đáo, mang đậm nét văn hóa Hải Dương và tăng cường giới thiệu với du khách ở các điểm du lịch, các quầy hàng, các siêu thị gần tuyến đường mà du khách hay qua lại và nghỉ chân.

Bốn là: Phát triển mạng lưới liên kết các làng nghề

Liên kết các làng nghề để hỗ trợ lẫn nhau trong các lĩnh vực, đặc biệt là liên kết để tạo ra các chương trình du lịch, tuyến điểm du lịch giữa các làng nghề. Đẩy mạnh

hơn nữa việc liên kết phát triển du lịch làng nghề nhằm giới thiệu, tôn vinh văn hóa dân tộc, thông qua những thao tác, kỹ năng thể hiện của các nghệ nhân trên sản phẩm.

Năm là: Xây dựng chiến lược phân phối sản phẩm

Đây là một trong những chiến lược quan trọng, xây dựng chiến lược phân phối sản phẩm hợp lý, thông qua nhiều kênh thông tin để đưa sản phẩm đến với khách du lịch. Cụ thể là cần có mối quan hệ mật thiết giữa làng nghề và các công ty lữ hành, thông qua sách báo, truyền hình để khách du lịch dễ dàng biết đến làng nghề.

Sáu là: Đào tạo nguồn nhân lực trang bị đầy đủ kiến thức, kỹ năng cần thiết đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng, nâng cao, hoàn thiện các sản phẩm du lịch

Cần nhanh chóng tạo nên một đội ngũ lao động du lịch chuyên nghiệp tại các làng nghề, những người có hiểu biết sâu sắc về lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán, lễ hội, sự tích dân gian, môi trường sinh thái và môi trường trong làng nghề đồng thời am hiểu về sản phẩm thủ công truyền thống của địa phương mình để giới thiệu tư vấn cho khách hàng. Tham gia các lớp đào tạo về kỹ năng bán hàng, phục vụ du lịch, cách ứng xử văn minh với khách du lịch.

6. KẾT LUẬN

Để đảm bảo cho việc phát triển các sản phẩm du lịch - làng nghề tại Hải Dương hiệu quả và bền vững, chính quyền nơi có làng nghề chủ động kết hợp với cơ quan của tỉnh cần chủ động thực hiện nghiên cứu thị trường, xúc tiến thương mại, quảng bá thương hiệu làng nghề tới du khách. Với sự phát triển của khoa học công nghệ hiện nay, Hải Dương cần xây dựng các cổng thông tin truyền thông tích hợp, đặc biệt là các ứng dụng (Appication-App) chạy trên điện thoại thông minh để thông tin liên quan đến làng nghề như quá trình hình thành và phát triển, các truyền thuyết liên quan đến

làng nghề, các sản phẩm và dịch vụ của làng nghề, hướng phát triển trong tương lai... Đồng thời, tổ chức xây dựng quy hoạch, đầu tư hệ thống hạ tầng đồng bộ, nâng cao chất lượng sản phẩm làng nghề, tạo không gian cho du khách trải nghiệm, gắn du lịch làng nghề với du lịch tâm linh, du lịch sinh thái... Trong đó, yếu tố quan trọng để giữ chân du khách chính là nghệ nhân - người đóng vai trò là chủ thể, linh hồn của làng nghề. Sự kết nối giữa nghệ nhân với du khách thông qua hoạt động giao lưu, hướng dẫn chế tác sản phẩm làng nghề sẽ giúp du khách có những cảm nhận sâu sắc và ấn tượng tốt đẹp hơn với làng nghề.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Phạm Côn Sơn (2004), *Làng nghề truyền thống Việt Nam*, NXB Văn hóa Dân tộc.
- [2]. Tiến sĩ Dương Bá Phương (2014), *Bảo tồn và phát triển các làng nghề truyền thống trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, NXB Hà Nội.
- [3]. Trần Quốc Vượng (2011), *Văn hóa Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm*, NXB VHDT và TCVHNT.
- [4]. Tiến sĩ Trần Nhạn (2012), *Du lịch và kinh doanh du lịch*, Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin Hà Nội.
- [5]. Hoàng Văn Châu - Phạm Thị Hồng Yến - Lê Thị Thu Hà (2007), *Làng nghề du lịch Việt Nam*, NXB Thống Kê, Hà Nội.
- [6]. Trần Đức Thanh (2016), *Nhập môn khoa học du lịch*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [7]. Cục Công Thương địa phương (2020), *Báo cáo tình hình phát triển làng nghề công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp (CN-TTCN)*, Hà Nội.
- [8]. Chính phủ (2018), *Nghị định về phát triển ngành, nghề nông thôn*, số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018.
- [9]. Phụ lục cung cấp thông tin cho Viện chiến lược của Sở Công Thương Hải Dương, 2020.

THÔNG TIN VỀ TÁC GIẢ



Vũ Thị Hường

- Tóm tắt quá trình đào tạo, nghiên cứu (thời điểm tốt nghiệp và chương trình đào tạo, nghiên cứu):
- + Năm 2006: Tốt nghiệp Trường Đại học Thương mại;
- + Năm 2009: Tốt nghiệp thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội;
- Hiện nay đang là giảng viên khoa Kinh tế, Trường Đại học Sao Đỏ;
- Lĩnh vực quan tâm: Quản trị kinh doanh, khách sạn - du lịch, lữ hành...
- Email: huongvudhsd20102014@gmail.com;
- Điện thoại: 0977 244 097.